

XÂY DỰNG HỆ GIÁ TRỊ VĂN HOÁ VIỆT NAM NHẪM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP

ĐÀO ĐÌNH THƯỜNG^(*)

Trong bối cảnh toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ, Việt Nam cũng đang trong quá trình chuyển biến từ xã hội nông nghiệp tiểu nông sang xã hội công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa. Hệ giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam cũng có sự vận động, biến đổi. Trong quá trình đó, hệ giá trị văn hóa truyền thống bị xói mòn, đôi khi có cả sự khủng hoảng, dẫn đến nhiều bất ổn xã hội, tệ nạn xã hội gia tăng, người dân không biết sống theo hệ giá trị nào. Để định hướng sự phát triển cần có những giải pháp phù hợp với bối cảnh hội nhập hiện nay, đó là hội nhập những giá trị. Do đó, trong Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Đảng ta đã đề ra phương hướng: “Đúc kết và xây dựng hệ giá trị chung của con người Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011, tr.223). Hệ giá trị chung của con người Việt Nam hiện nay cần dựa trên sự năng động hóa những giá trị truyền thống thông qua các hình thức và mức độ khác nhau như thay đổi cấu trúc và nội dung, đồng thời bổ sung những giá trị mới mang tính phổ biến của thời đại như công bằng,

bình đẳng, tự do, dân chủ, tôn trọng luật pháp và quyền lợi cá nhân, v.v...

1. Năng động hóa các giá trị truyền thống

Nghị quyết Hội nghị lần thứ V Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về “*Xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*” đã tổng kết những nghiên cứu về hệ giá trị của dân tộc Việt Nam, nêu ra 5 “giá trị bền vững, được vun đắp trong suốt chiều dài của lịch sử dân tộc” là: (1) Lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc; (2) Tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng (gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - tổ quốc); (3) Lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; (4) Đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; (5) Sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1998, tr.23). Hệ giá trị này đã hình thành và phát triển trong thời gian dài, nó có vai trò to lớn trong việc giữ ổn định xã hội, xây dựng nhân cách, tâm hồn, tình cảm, hình thành chuẩn mực xã hội thông qua phong tục, tập quán, lối sống của nhân dân.

^(*) Tiến sĩ, Viện Nghiên cứu tôn giáo, tín ngưỡng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, giá trị truyền thống về cơ bản là sự phản ánh thời đại đã qua. Vì vậy, nó chỉ có ý nghĩa và trở thành tiêu chuẩn định hướng hành động của con người thời đại mới khi được đổi mới, được năng động hóa, hiện đại hóa, thích ứng với hệ giá trị hiện đại mang tính phổ quát của thời đại toàn cầu hóa. Quá trình đó không diễn ra một cách đơn giản mà chứa đựng mâu thuẫn, có khi xảy ra xung đột làm mất ổn định ở những bộ phận nhất định. Những cái mới phải điều hòa với cái cũ để tiếp tục đổi mới không ngừng, trạng thái cuối cùng của hệ giá trị cũ là hệ giá trị mới (Xem: Nguyễn Hồng Phong, 2000, tr.151). Do đó, cần nhận thức một cách biện chứng về sự ổn định trên nguyên tắc tạo điều kiện cho sự phát triển, vì mục tiêu phát triển. Những nhân tố giữ ổn định cũng đồng thời phải là những nhân tố tạo động lực cho sự phát triển mới phù hợp với xu thế mới, còn những nhân tố nào nhân danh sự ổn định nhưng lại kìm hãm, cản trở sự phát triển cần phải loại bỏ. Theo đó, nguyên tắc phát triển phải là mục đích của sự ổn định, chứ không phải ngược lại.

Trên cơ sở những phân tích trên, theo chúng tôi cần năng động hóa những giá trị truyền thống để thúc đẩy sự phát triển theo những khuyến nghị sau:

Thứ nhất, đối với chủ nghĩa yêu nước: Chủ nghĩa yêu nước là giá trị hàng đầu xuyên suốt quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận xét: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó

khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước” (Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 6, 2000, tr.171). Ngày nay, khi nước ta đã độc lập, tự do thì tinh thần yêu nước không còn là tinh thần chống lại đế quốc xâm lược nữa, nhưng không có nghĩa là lòng yêu nước bị mai một đi, nó cũng biến đổi cùng sự phát triển xã hội. Tinh thần yêu nước cũng phải được bổ sung, phát triển cho phù hợp với giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong thời đại toàn cầu hóa.

Hiện nay, chủ nghĩa yêu nước, anh hùng cách mạng phải gắn liền với ý chí tự lực, tự cường, đấu tranh vượt qua tình trạng đói nghèo, lạc hậu, làm cho ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. Muốn cho mục tiêu trên trở thành hiện thực, mỗi cá nhân phải có ý thức vươn lên làm chủ khoa học công nghệ, nỗ lực làm giàu cho bản thân, gia đình và xã hội. Cả xã hội quyết tâm phấn đấu cho mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Phải coi đói nghèo, lạc hậu như nỗi nhục mất nước trước kia. Vì vậy, chủ nghĩa yêu nước trong giai đoạn mới phải được thể hiện ở mục tiêu phát triển kinh tế. Nhân tố nào làm cản trở sự phát triển kinh tế phải bị coi là phản động, cần chống lại nó như chống giặc ngoại xâm. Có thể nói hiện nay tình trạng tham nhũng, lãng phí là nhân tố lớn nhất cản trở sự phát triển. Tham nhũng đã làm méo mó hệ thống chính trị, cản trở sự phát triển kinh tế, tha hóa đội ngũ cán bộ, làm mất lòng tin của nhân dân vào chế độ, cần phải được coi là một loại giặc - giặc nội xâm như Bác Hồ từng nói. Theo đó, chống tham nhũng cũng là một hành động yêu nước.

Thứ hai, ý thức cộng đồng, tinh thần đoàn kết là một trong những giá

trị quý báu của dân tộc, được hình thành từ điều kiện địa lý, lịch sử xã hội đặc thù của Việt Nam. Tinh thần đoàn kết đã trở thành sức mạnh nội sinh to lớn gắn kết dân tộc thành một khối thống nhất để đấu tranh chống ngoại xâm, cải tạo thiên nhiên. Tuy nhiên, tinh thần cộng đồng, ý thức đoàn kết của người Việt Nam dường như chỉ được biểu hiện rõ nét trong lúc hoạn nạn, với những thử thách sống còn. Trong cuộc sống thường ngày nó lại bộc lộ mặt trái có tính lưỡng diện, đó là tính cục bộ, bè phái, chủ nghĩa cánh hẩu.

Ngày nay, năng động hóa tinh thần đoàn kết là phát huy tinh thần đồng tâm, hợp sức của tất cả người dân vì mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Củng cố khối đại đoàn kết hiện nay, trước hết là phải có sự đoàn kết trong Đảng, làm sao để cán bộ, đảng viên, người lãnh đạo phải thực sự là tấm gương sống để quần chúng noi theo. Muốn vậy, cần khắc phục những phong trào tuyên truyền rầm rộ, những phong trào học tập chính trị mang tính hình thức, những mệnh lệnh, khẩu hiệu mang tính sáo rỗng. Vấn đề trọng tâm của đoàn kết ở nước ta hiện nay là phải tạo ra sự công bằng về phân phối, về mối quan hệ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, lợi ích và trách nhiệm, đóng góp và hưởng thụ. Vì vậy, cần có cơ chế hiệu quả để xóa đói, giảm nghèo bền vững. Ngoài ra, tinh thần đoàn kết ở nước ta còn là sự hàn gắn vết thương chiến tranh, xóa bỏ mặc cảm của những người đã từng phục vụ cho chế độ cũ, thực sự xóa bỏ chủ nghĩa lý lịch, tư tưởng thành phần còn dè dặt. Đoàn kết còn là xây dựng tình hữu nghị, sự hiểu biết, khoan dung tôn giáo, dân tộc vì mục tiêu chung của dân tộc, quốc gia Việt Nam, đây cũng là giải

pháp chống lại nguy cơ diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch.

Thứ ba, lòng nhân ái, khoan dung là giá trị tốt đẹp của dân tộc ta, là yếu tố tạo thuận lợi cho việc tiếp thu những giá trị văn hóa nhân loại. Trong lịch sử, nền văn hóa Việt Nam đã có những cuộc tiếp biến lớn với các nền văn hóa nhân loại tạo nên nền văn hóa Việt Nam giàu bản sắc nhưng không kém phần đa dạng, phong phú. Tuy nhiên, lòng nhân ái mới chỉ là sự giúp đỡ, sẻ chia miếng cơm manh áo trong hoạn nạn, khi đói kém, lúc mất mùa, thiên tai hay đối mặt với sự sinh tử. Trong cuộc sống thường ngày, biểu hiện đó nhiều khi bị che lấp. Thay vì giúp đỡ người gặp hoạn nạn, khó khăn, không ít người lại “nhảy vào hôi dưng, hôi bia, hôi tiền...” như một số hiện tượng làm dậy sóng dư luận thời gian gần đây. Tình trạng vô cảm đang diễn ra rất nghiêm trọng, làm băng hoại lòng nhân ái, khoan dung cần phải được sự quan tâm của toàn xã hội. Mặt khác, trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, lòng nhân ái khoan dung không chỉ bó hẹp trong quan hệ giữa những người cùng cảnh ngộ, những người trong một quốc gia, dân tộc mà lòng nhân ái còn phải được mở rộng trên phạm vi toàn thế giới để các dân tộc xích lại gần nhau, cùng nhau giải quyết những vấn đề toàn cầu như bảo vệ môi trường, chống khủng bố, tội phạm quốc tế...

Thứ tư, đối với giá trị trọng đạo đức, học thức. Trọng đạo đức, học thức là truyền thống quý báu của dân tộc ta, nhưng tình trạng “đạo đức hóa” những quan hệ xã hội, kể cả những quan hệ thuộc phạm vi pháp luật đã làm cho quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục bị méo mó. Trong công sở, tư tưởng

đạo đức hóa biểu hiện ở nạn lão quyền, vô hình trung đã hạn chế sự năng động, sáng tạo của những người trẻ tuổi có năng lực. Còn giá trị trọng học thức truyền thống thường chỉ là học để làm quan, mà học giả Phan Khôi đã có nhận xét rất đúng: “Người mình coi sự học cũng như cục gạch để gõ cửa, khi cửa mở ra rồi thì cục gạch ném đi. Cái học của ta là để gõ cửa giàu sang, khi giàu sang rồi thì thôi không nói đến học nữa” (Theo: Lại Nguyên Ân, 2007).

Trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giá trị đạo đức cũng cần năng động hóa. Trước hết là từ tầng lớp người cao tuổi. Bởi theo một kết quả điều tra, khi được hỏi “ai có mức độ kính trọng cao nhất?”, có đến 62,6% trả lời là người cao tuổi, trong khi hiếu học chỉ có 7,8%, người giàu 5,2% (Nguyễn Ngọc Hà, 2011, tr.94). Theo đó, người cao tuổi vẫn đóng vai trò quan trọng trong định hướng giá trị đạo đức cho xã hội. Người cao tuổi giáo dục bằng sự nêu gương. Giáo dục của người cao tuổi tạo ra sự phát triển ổn định, không đứt gãy giữa các thế hệ, đó là sự phát triển liên tục từ quá khứ đến hiện tại và tương lai. Ngoài ra, cần có quan niệm mới về giá trị của việc học, phải tiếp tục tinh thần ham học, học để làm tốt hơn công việc đang làm, “học một cách vô tư, độc lập với chuyện miếng cơm manh áo, độc lập với cái mong ước (không có gì đáng chê) của cha mẹ là con mình trở thành bác sĩ, kỹ sư, luật sư... Để thực hiện việc thượng tôn học tập, việc cần làm đầu tiên là xây dựng lại vị trí xã hội của người thầy. Việc cải cách chính sách lương bổng cho giáo viên là cấp thiết hơn nhiều so với việc viết lại sách giáo khoa, mua lại chương trình giảng dạy ở nước ngoài” (Kim Dung, 2009).

Như vậy, những giá trị cần được năng động hóa trong hệ giá trị của người Việt Nam là: Chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đoàn kết, trọng đạo đức, học thức, v.v... Ngoài ra, còn có những giá trị khác cần được năng động hóa là tinh thần sáng tạo trong lao động, tinh thần lạc quan, sự công bằng, bình đẳng... Cùng với năng động hóa những giá trị truyền thống cần bổ sung những giá trị phổ quát của các nền văn minh trên thế giới.

2. Bổ sung hệ giá trị từ bên ngoài

V. I. Lenin từng nói, phải dùng cả hai tay mà lấy những cái tốt của nước ngoài (V.I. Lênin, Toàn tập, tập 36, tr.684). Đây chính là phương pháp luận để chọn lọc hệ giá trị nước ngoài phù hợp nhằm bổ sung, phát triển hệ giá trị của dân tộc. Trong giai đoạn hiện nay thì tinh thần thượng tôn pháp luật, tinh thần dân chủ, tự do cá nhân, tinh thần lao động tập thể và chủ nghĩa duy lý thực dụng cần được nghiên cứu, học tập và bổ sung vào hệ giá trị của con người Việt Nam. Những giá trị trên đã ảnh hưởng vào hệ giá trị Việt Nam nhưng chưa mang tính hệ thống, chưa phải là sự chủ động tiếp thu nên có những tư tưởng bị cắt xén, mang nghĩa xấu, khác với ý nghĩa gốc của nó, như quan niệm về chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa cá nhân.

Thứ nhất, tinh thần thượng tôn pháp luật. Xã hội Việt Nam truyền thống vốn không có tinh thần thượng tôn pháp luật. Trong xã hội phong kiến, chỉ có hình luật mà không có dân luật. Tuy nhiên, người dân vẫn không thấy đó là một trở ngại, một sự thiếu thốn vì phương thức sản xuất nông nghiệp tự cấp, tự túc khiến con người cả cuộc đời

không ra đến bên ngoài. Sống trong làng xã, người dân được các thiết chế họ hàng, láng giềng đùm bọc, nếu không làm gì trái với hương ước, lệ làng, đạo đức thông thường thì người nông dân vẫn có được thân phận và diện mạo, được mọi người tôn trọng. Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, dòng người từ nông thôn di chuyển ra thành phố làm việc và sinh sống ngày càng đông đảo, quá trình đô thị hóa diễn ra, các quan hệ dân sự như nhập khẩu, mua bán, vay nợ, sở hữu tài sản... diễn ra phổ biến. Tuy nhiên, do hệ thống luật còn thiếu nên người dân không có cơ sở để bảo vệ quyền lợi của mình, nạn hành chính quan liêu, sách nhiễu của các cơ quan công quyền còn nặng nề. Bất cứ cơ quan nào cũng có thể gây khó dễ mỗi khi người dân làm các thủ tục, giấy tờ, gây mất thời gian và tiền bạc. Người dân không được tôn trọng, thân phận và diện mạo không được đảm bảo bằng hệ thống dân luật. Điều đó dẫn đến tình trạng nhân dân không có niềm tin vào hệ thống pháp luật.

Bộ Luật Dân sự ra đời năm 1993 đã phần nào giải quyết được bất cập trên. Tuy nhiên, trong thực tế tình trạng sách nhiễu của các cơ quan công quyền không có chiều hướng giảm. Mỗi khi rà soát, loại bỏ các giấy phép con, sau vài năm những giấy phép mới lại để ra nhiều hơn số đã loại bỏ. Nhà nghiên cứu Nguyễn Khắc Viện đã nhận xét: “Dân ta như những người khổng lồ, bị đủ loại giấy tờ trói chân tay không cựa quậy nổi” (Dẫn theo: Trung Sơn, 2007). Do đó, cần có những bộ luật quy định rõ mỗi con người phải biết họ có thể làm được những gì, được những ai, cơ quan nào che chở trong cuộc đời lao động của họ (Phạm Ngọc, 2006, tr.440). Việc ban

hành bộ luật đã khó, nhưng việc đưa pháp luật vào đời sống, có tính khả thi còn khó khăn hơn gấp bội vì nó động chạm đến đặc quyền, đặc lợi của một nhóm người nhất định. Vì vậy, cơ quan, công chức nhà nước phải làm gương trong việc thi hành pháp luật, phải bình đẳng với các chủ thể khác trong xã hội, đặt dưới sự chi phối của các chuẩn mực pháp luật để xã hội giám sát, đánh giá.

Giáo dục ý thức tôn trọng pháp luật cho toàn dân trước hết phải là nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật cho cán bộ, công chức, nâng cao quan trí, cán bộ, công chức chỉ được làm những gì pháp luật cho phép. Phải giáo dục ý thức pháp luật để nó trở thành một bộ phận của ý thức đạo đức, là việc làm cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Chỉ có trên cơ sở đó người dân mới tin vào pháp luật, hành xử theo pháp luật.

Thứ hai, tinh thần dân chủ. Ngay khi giành được độc lập, quốc hiệu của nước Việt Nam mới là: “Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”. Khi ban hành Hiến Pháp đầu tiên, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng khẳng định: “Đây là một hiến pháp dân chủ”. Trong nhiều văn kiện trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định bản chất dân chủ của thể chế chính trị nước ta, trong đó quyền lực thuộc về nhân dân, dân chủ vừa là mục tiêu vừa là động lực của cách mạng, Đảng lãnh đạo để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân.

Tuy nhiên, trong thực tế nhân dân không phát huy được quyền làm chủ của mình. Điều này làm thui chột tinh thần sáng tạo, làm giảm đi đáng kể sức mạnh của toàn dân, động lực của lịch sử. Vì vậy, trong các văn kiện của Đảng và

Nhà nước, yêu cầu “thực sự dân chủ” trong mọi hoạt động của Đảng và xã hội luôn được nhấn mạnh. Dân chủ thực sự trong kinh tế, chính trị và văn hóa.

Dân chủ trong kinh tế là dứt khoát tách chức năng quản lý nhà nước ra khỏi chức năng kinh doanh, các cấp ủy đảng không trực tiếp tham gia vào quản trị doanh nghiệp. Hiến pháp và pháp luật cần được sửa đổi, bổ sung theo hướng xóa bỏ độc quyền, của quyền của các tập đoàn kinh tế nhà nước. Tất cả các thành phần kinh tế cần triệt để tuân thủ nguyên tắc minh bạch hóa.

Dân chủ trong chính trị thực chất là tôn trọng các quyền của cá nhân và cấu trúc nó thành các quyền pháp định. Hiện nay, theo luật pháp thì dân ta là người chủ đích thực của đất nước. Song ở Việt Nam hiện nay, cử tri mới được bầu và bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, đại biểu Quốc hội, bầu và bãi nhiệm trưởng thôn (<http://tuansvietnamnet...>). Tuy nhiên, chất lượng bầu cử còn thấp, còn việc bãi nhiệm thì hầu như chưa làm được. Đó đó, để phát triển dân chủ chính trị cần có sự bổ sung theo hướng hoàn thiện thể chế để nhân dân được tham gia phúc quyết Hiến pháp và những việc liên quan đến vận mệnh quốc gia thông qua trưng cầu dân ý. Nhân dân cũng cần được lựa chọn cương lĩnh phát triển đất nước và người đứng đầu đất nước thông qua tranh cử trong tổng tuyển cử trực tiếp. Thực hiện công cuộc khai hóa các lĩnh vực hoạt động của Nhà nước và của Đảng. Tăng cường chế độ minh bạch hóa thông tin của tất cả các cơ quan Đảng, nhà nước. Vì chỉ có thông tin đầy đủ và chính xác mới có dân chủ thực sự. Cần ban hành thể chế tạo điều kiện cho

phản biện xã hội nhằm tranh thủ trí tuệ của toàn dân theo hướng xây dựng xã hội dân sự. Phản biện xã hội là sự cần thiết khách quan, hạn chế những sai lầm, khuyết điểm, nó là biểu hiện cụ thể nhất của dân chủ, là biện pháp để thúc đẩy dân chủ thực sự. “Dân chủ” là một khái niệm mang tính văn hóa. Văn hóa phải mang tinh thần dân chủ, hướng tới phát triển dân chủ, nghĩa là đi vào đời sống tinh thần, lối sống, cách ứng xử, cách tổ chức sinh hoạt của các tập thể, cơ quan, cộng đồng và xã hội nói chung.

Thứ ba, chủ nghĩa thực dụng: F. Engels đã từng nói, một dân tộc không thể đứng vững trên đỉnh cao khoa học nếu không có tư duy lý luận. Trên cơ sở đó, có thể nói, một dân tộc đã đứng trên đỉnh cao khoa học dứt khoát phải có hệ thống lý luận, triết học của nó.

Ngày nay, cả thế giới phải thừa nhận Mỹ là nước có nền khoa học phát triển nhất. Vậy tư duy lý luận nào làm nên đỉnh cao khoa học của Mỹ? Đó là chủ nghĩa thực dụng, là một giá trị của Mỹ. Do đó, để phát triển không thể không bổ sung giá trị thực dụng, chủ nghĩa thực dụng chân chính.

Chủ nghĩa thực dụng là một học thuyết của triết học Mỹ, ngay từ khi ra đời nó đã gây ra sự tranh cãi cả trong lý luận và thực tiễn. Trong đời sống lý luận, nó gây ra sự lầm lẫn với tính đa nguyên hay tính vô chính phủ. Trong nhận thức thông thường, người ta đồng nhất nó với tính ích kỷ, duy lý hóa tuyệt đối, kiếm tiền bằng bất cứ giá nào, đời sống vật chất là duy nhất, là tối thượng, lợi ích cá nhân là trên hết. Tuy nhiên, chủ nghĩa thực dụng theo nghĩa gốc của nó được diễn đạt một cách hình ảnh bởi triết gia thực dụng Papini người Italia:

“Giống như một khách sạn lớn, ở đó trong mỗi phòng đều có một triết gia đang làm việc. Với những cách khác nhau và với những câu hỏi khác nhau, nhưng tất cả đều đi chung một hành lang chính”, hành lang đó là “*hành động hiệu quả*” (Đỗ Kiên Trung, 2010, tr.166).

Bản chất của chủ nghĩa thực dụng là hành động thiết thực, hiệu quả. Do đó, bổ sung *giá trị hành động hiệu quả* của chủ nghĩa thực dụng là yêu cầu tối quan trọng của hệ giá trị Việt Nam khi mà có quá nhiều lĩnh vực chúng ta đang chạy theo chủ nghĩa thành tích bất chấp hiệu quả. Chẳng hạn, chúng ta liên tục đề ra mục tiêu tăng trưởng GDP ở mức cao và có xu hướng đạt được nó bằng mọi giá, thực tế đã chứng minh chúng ta có thể đạt được thông qua việc tăng đầu tư công, tăng cung tiền cho nền kinh tế trong một thời gian nhất định. Tuy nhiên, hậu quả tiêu cực sau đó là lạm phát tăng cao, ô nhiễm môi trường, khủng hoảng năng lượng, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, tức là đạt mục đích nhưng không hiệu quả. Vì vậy, hành động hiệu quả - bản chất của chủ nghĩa thực dụng đã làm nên sự phát triển của nước Mỹ và các nước phương Tây - cần phải được coi là một giá trị định hướng sự lựa chọn của tất cả các chính sách phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục của nước ta. Ngoài ra, những giá trị như chủ nghĩa cá nhân, tinh thần lao động tập thể vốn là những giá trị của nền văn minh công nghiệp cũng cần được bổ sung vào hệ giá trị mới của con người Việt Nam.

Tóm lại, cùng với quá trình toàn cầu hoá và hội nhập, việc hội nhập các giá trị văn hoá là tất yếu. Bởi vậy, năng động hoá các giá trị truyền thống đồng

thời với tiếp thu các giá trị tiến bộ từ thế giới là cách thức để chúng ta hội nhập một cách sâu rộng và bền vững □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lại Nguyên Ân (2007), *Sự học ngày nay: Ít “bậc thầy” đúng nghĩa?*, <http://vnn.vietnamnet.vn/giaoduc/2007/02/665599/>.
2. Kim Dung (2009), *GS. Ngô Bảo Châu: Cần nhất là “thổi lại” tinh thần hiếu học*, VietNamNet, ngày 17/12.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Nguyễn Ngọc Hà (chủ nhiệm) (2011), *Đặc điểm tư duy và lối sống của con người Việt Nam hiện nay và những yêu cầu đặt ra trước yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế*, Đề tài khoa học cấp nhà nước, Hà Nội.
6. Hồ Chí Minh, *Toàn tập, tập 6*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
7. Lương Văn Kế (2009), “Ảnh hưởng của hệ giá trị chính trị phương Tây đến sự phát triển của các xã hội ở Đông Á - trường hợp Trung Quốc”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, số 3.
8. V.I. Lênin, *Toàn tập, tập 44*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1978.
9. Phan Ngọc (2006), *Bản sắc văn hoá Việt Nam*, Nxb. Văn hoá thông tin, Hà Nội.

(Xem tiếp trang 58)